





	Nurse hùshi 护士		Measure word gè 个
bàba 爸爸	student xuéshēng 学生	māma 妈妈	Worker gōngrén 工人
	teacher lǎoshī 老师		doctor yīshēng 医生
jiějie 姐姐	Do not Have/has méiyǒu 没有	gēge 哥哥	wǒ 我
surname xìng 姓	dìdi 弟弟	called... jiào 叫	mèimei 妹妹 

Y8B – T2 – My Family – Easy

mǎ 马	niǎo 鸟
	
māo 猫	Cat
yī zhī gǒu 一只狗	liǎng tiáo yú 两条鱼
1 dog	2 fish
hěn kě'ài 很可爱	Very Cute
dà 大	xiǎo 小
big	small
hěn xiōng 很凶	Very fierce

Y8B – T2 – My Pet – Easy